

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
KHOA VĂN HÓA – THÔNG TIN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

Thanh Hóa, năm 2023

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH
Số: 851/QĐ-DVTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo 20 ngành đào tạo đại học
hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định 1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDT ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo 20 ngành đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2: Chương trình đào tạo 20 ngành đào tạo đại học hệ chính quy được áp dụng cho các khoá tuyển sinh, bắt đầu từ năm 2023.

Điều 3: Các đơn vị phòng Quản lý Đào tạo, phòng Thanh tra, phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục, các ông/bà Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn, giảng viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP, QLĐT.



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 20 NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**
*(Ban hành kèm theo quyết định số 851/QĐ-ĐVTDT ngày 20 tháng 06 năm
2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

TT	Tên chương trình dạy học
1.	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non
2.	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc
3.	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật
4.	Chương trình đào tạo ngành Thanh Nhạc
5.	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế thời trang
6.	Chương trình đào tạo ngành Đồ họa
7.	Chương trình đào tạo ngành Du lịch
8.	Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành
9.	Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn
10.	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất
11.	Chương trình đào tạo ngành Quản lý thể dục thể thao
12.	Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh
13.	Chương trình đào tạo ngành Luật
14.	Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước
15.	Chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa
16.	Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội
17.	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ truyền thông
18.	Chương trình đào tạo ngành Thông tin thư viện
19.	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học
20.	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm tin học

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 06 năm 2023

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: CÔNG TÁC XÃ HỘI
Trình độ: ĐẠI HỌC
Mã số: 7760101

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về Chương trình đào tạo

1.1. *Khái quát chung về Khoa Văn hóa – Thông tin*

Khoa Văn hóa – Thông tin tiền thân là khoa Văn hóa - Lý luận, được thành lập năm 1995, đến năm 2004, Khoa đổi tên thành Khoa Văn hóa-Du lịch. Năm 2011, khi Nhà trường được nâng cấp lên bậc Đại học, để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về lĩnh vực văn hóa, đồng thời mở rộng quy mô ngành nghề đào tạo của khoa, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, Khoa đã được đổi tên thành Khoa Văn hóa - Thông tin với định hướng tiếp tục mở rộng quy mô ngành nghề đào tạo.

Hiện nay, Khoa tổ chức 05 ngành đào tạo trình độ đại học gồm: Ngành Quản lý Văn hóa, Ngành TT-TV (3 chuyên ngành: Công nghệ thông tin ứng dụng, Thư viện-Thiết bị thư viện trường học, Văn thư – Lưu trữ), Ngành Công tác xã hội (2015), Ngành Công nghệ truyền thông (2019), Ngành Sư phạm tin học (2023). Khoa là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ Văn hóa - Thông tin trình độ đại học hệ chính quy chủ yếu cho tỉnh Thanh Hóa, khu vực Nam Sông Hồng - Bắc Trung Bộ và cả nước. Ngoài ra, Khoa còn thực hiện liên kết với các trung tâm Giáo dục thường xuyên, các trường đại học, cao đẳng trong khu vực đào tạo đại học hệ không chính quy, vừa học vừa làm ngành Quản lý Văn hóa, ngành TT-TV (3 chuyên ngành: Công nghệ thông tin ứng dụng, Thư viện-Thiết bị thư viện trường học, Văn thư – Lưu trữ), Công tác xã hội theo hình thức liên thông từ trung cấp lên đại học, bằng đại học thứ hai (2 năm), từ cao đẳng lên đại học (3 năm).

Trong suốt quá trình hình thành, xây dựng và phát triển, tập thể CB, GV Khoa Văn hóa-Thông tin đã không ngừng cố gắng, nỗ lực, phấn đấu vươn lên phát triển và trưởng thành để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể CB, GV trong Khoa đã có những thành tích đáng khích lệ góp phần vào việc phát triển chung của Nhà trường, các lĩnh vực đào tạo của khoa phát triển ngày một lớn mạnh.

1.2. Khát quát chung về Chương trình đào tạo Đại học ngành Công tác xã hội

Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa được xây dựng lần đầu vào năm 2015 cùng với Đề án mở ngành đào tạo trình độ Đại học ngành Công tác xã hội. Từ năm 2015 đến nay, Chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung 4 lần vào các năm 2017, 2019, 2021 và 2023. Quá trình phát triển Chương trình đào tạo, Bộ môn Công tác xã hội đã bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, đồng thời, căn cứ nhu cầu xã hội và thực tiễn phát triển của ngành đào tạo; tham khảo, đối sánh với Chương trình đào tạo cùng ngành của các trường Đại học uy tín trong nước và nước ngoài; lắng nghe ý kiến phản hồi của các bên có liên quan.

Chương trình đào tạo trình độ Đại học Công tác xã hội tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa có thời lượng 125 tín chỉ, trong đó:

- a) Phần kiến thức Giáo dục đại cương: 12 học phần, 31 tín chỉ (chiếm 24,8%)
- b) Phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: 27 học phần, 72 tín chỉ (chiếm 57,6%), trong đó:
 - Khối kiến thức cơ sở ngành: 08 học phần, 22 tín chỉ, gồm:
 - + Học phần bắt buộc: 06 học phần, 18 tín chỉ
 - + Học phần tự chọn: 02 học phần, 04 tín chỉ
 - Khối kiến thức chuyên ngành: 15 học phần, 50 tín chỉ, gồm:
 - + Học phần bắt buộc: 11 học phần, 42 tín chỉ
 - + Học phần tự chọn: 04 học phần, 08 tín chỉ
- c) Thực hành, thực tập cuối khóa, Báo cáo tốt nghiệp: 22 tín chỉ (chiếm 17,6%), gồm:
 - + Thực tế nghề nghiệp: 14 tín chỉ
 - + Thực tập tốt nghiệp: 08 tín chỉ.

2. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

1. Tên ngành/chuyên ngành đào tạo (<i>Tiếng Việt, tiếng Anh</i>): Công tác xã hội (Social Work)
2. Mã số ngành: 7760101
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Thời gian đào tạo: 04 năm
5. Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Công tác xã hội
6. Đơn vị được giao nhiệm vụ: Khoa Văn hóa - Xã hội
7. Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung
8. Số tín chỉ: 125 tín chỉ (không kể GDTC và GDQP-AN)
9. Thang điểm: Thang điểm 10, thang điểm 4 và điểm chữ
10. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
11. Ngày tháng ban hành:
12. Phiên bản chỉnh sửa: 2017, 2019, 2021
- Quyết định số 698/QĐ-ĐVTDT ngày 08/8/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Khung chương trình các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
- Quyết định số 769/QĐ-ĐVTDT ngày 10/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Khung chương trình các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

- Quyết định số 1690/QĐ-ĐVTDT ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Khung chương trình các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

- Quyết định số 740/QĐ- ĐVTDT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Khung chương trình và kế hoạch giảng dạy các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

3. Mục tiêu đào tạo của Chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình cử nhân Công tác xã hội đào tạo về cử nhân Công tác xã hội có kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu và kiến thức thực tế về ngành công tác xã hội; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu khoa học; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng làm việc hiệu quả tại các tổ chức trong và ngoài nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị, luật pháp và sự hiểu biết về các vấn đề xã hội vào hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội.

PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động công tác xã hội..

PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình công tác xã hội đáp ứng nhu cầu của xã hội.

PO4: *Hình thành* năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

4.1. Kiến thức

- PLO1.1. *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị, luật pháp và sự hiểu biết về các vấn đề xã hội vào hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội.

- PLO1.2. *Áp dụng* được hệ thống tri thức về công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, thực hành phát triển cộng đồng, tham vấn và thực hành tham vấn trong hoạt động hỗ trợ đối tượng yếu thế trong xã hội, giúp thân chủ tự giải quyết những vấn đề khó khăn trong cuộc sống.

- PLO1.3. *Áp dụng* kiến thức ngành vào việc lựa chọn, phát triển, ứng dụng, tích hợp trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm đối với từng đối tượng đặc thù cần hỗ trợ, tham vấn, trị liệu trong xã hội.

- PLO1.4. *Vận dụng* phương pháp luận nghiên cứu khoa học cũng như các phương pháp nghiên cứu công tác xã hội cụ thể để giải quyết các vấn đề xã hội.

- PLO1.5. *Am hiểu* các vấn đề xã hội trong bối cảnh phát triển của Việt Nam và thế giới; có kiến thức về chính sách xã hội và phân tích được sự tác động của nó thông qua hệ thống các dịch vụ xã hội nhằm giúp giải quyết các vấn đề xã hội.

4.2. Kỹ năng

- PLO2.1. *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có kỹ năng giao tiếp ứng xử, tác phong nghề nghiệp mẫu mực trong các nhiệm vụ chuyên môn.

- PLO2.2. *Kỹ năng tổ chức thực hiện* hiệu quả các nhiệm vụ thực hành nghề nghiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng thuộc các lĩnh vực khác nhau của

ngành công tác xã hội. Sử dụng các kỹ năng công tác xã hội cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ công tác xã hội trực tiếp cho các cá nhân, gia đình và nhóm giúp họ tự giải quyết vấn đề;

- PLO2.3. *Vận dụng tốt* các kỹ năng tham gia vào thực hiện các chương trình phát triển cộng đồng; kỹ năng vận động chính sách xã hội và hỗ trợ hướng dẫn nghề nghiệp.

- PLO2.4. *Có khả năng áp dụng* các kỹ năng tư duy khoa học và tư duy phản biện trong bối cảnh thực hành và nghiên cứu công tác xã hội chuyên nghiệp; có kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc trong nhóm chuyên môn cũng như trong nhóm đa ngành.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ đặc thù của từng đối tượng. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau như trường học, bệnh viện, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ những nhóm người yếu thế, nhóm nguy cơ, nhóm dễ bị thương tổn.

- PLO3.2. *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn và hoạt động nhóm theo từng đối tượng.

- PLO3.3. *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm trong phạm vi hoạt động chuyên môn của mình. Tự chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả công việc theo kế hoạch đã lập ra. Thực hiện thói quen tự học, cập nhật kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.

4.4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực* sử dụng được các kỹ năng công tác xã hội cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình.

- PLO4.2. *Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu và đánh giá* dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực chuyên môn.

- PLO4.3. *Năng lực* phân tích, tổng hợp, đánh giá, phát hiện được các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng.

5. Chuẩn đầu vào của Chương trình đào tạo

5.1. Về trình độ

Người học đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

5.2. Về năng lực

5.2.1. Năng lực chung

- Khả năng chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

- Biết khẳng định và bảo vệ chủ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.

- Khả năng tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân.

- Khả năng tự học, tự hoàn thiện, thích ứng với cuộc sống.

- Khả năng định hướng nghề nghiệp.

5.2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Khả năng xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp.

- Khả năng thiết lập, phát triển các quan hệ; điều chỉnh và hóa giải các mâu thuẫn.
- Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.

- Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm, xác định, đánh giá nhu cầu và khả năng của người hợp tác, tổ chức và thuyết phục người khác.

- Khả năng hội nhập quốc tế: Có hiểu biết về hội nhập quốc tế; chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương.

5.2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Khả năng phát hiện, làm rõ ý tưởng, vấn đề.

- Khả năng hình thành và triển khai ý tưởng mới; đề xuất giải pháp; thiết kế và tổ chức hoạt động.

- Khả năng tư duy độc lập.

5.2.4. Năng lực đặc thù: Năng lực ngôn ngữ; năng lực khoa học tự nhiên; năng lực khoa học - xã hội; năng lực công nghệ; năng lực tin học; năng lực thẩm mỹ; năng lực thể chất phù hợp với trình độ THPT.

5.3. Về phẩm chất: Có lòng yêu nước, nhân ái; trung thực; trách nhiệm.

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT (PO)	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo														
	PLO 1.1 (Kiến thức)					PLO1.2 (Kỹ năng)				PLO1.3 (Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học)			PLO1.4 (Năng lực)		
	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 4.1	PLO 4.2	PLO 4.3
PO1	2	3	3	3	4	2	3	3	3	2	3	4	3	4	5
PO2	2	3	3	3	4	2	3	4	3	2	3	4	3	4	5
PO3	2	3	3	3	4	2	3	4	3	2	3	4	3	4	5
PO4	2	3	3	3	4	2	5	5	3	2	5	6	3	5	6

Ghi chú: Số cột tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của mỗi nhóm; số dòng tùy thuộc vào mục tiêu, ghi mức độ đạt được tương ứng giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra, trong đó:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với năng lực tự chủ và trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hỏi đáp; 3- Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.
- Đối với năng lực: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.

7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

7.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên chuẩn bị đầy đủ bài giảng được thể hiện cụ thể qua giáo án trong đó phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- + Thể hiện được nội dung chính của giáo trình hoặc tài liệu chuyên môn;
- + Tích lũy các thông tin bổ sung, bao gồm cả thông tin lý thuyết cũng như thông tin thực tiễn; thông tin quá khứ, thông tin thời sự, cập nhật cũng như thông tin dự báo;
- + Lập kế hoạch chi tiết cho bài giảng, với sự phân bổ thời gian hợp lý, dự kiến trước các tình huống phát sinh khi thực hiện bài giảng;

+ Hiện thị sẵn nội dung bài giảng lên các phương tiện như giấy, máy tính, mô hình (nếu cần thiết) và sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ dạy học phải bảo đảm tính hợp lý, hiệu quả.

- Việc sử dụng phương pháp giảng dạy của giảng viên phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- + Sự phù hợp giữa phương pháp mà giảng viên sử dụng với nội dung bài giảng;
- + Sự phù hợp giữa phương pháp mà giảng viên sử dụng với đối tượng người học;
- + Sự vững vàng và tính hợp lý trong việc sử dụng và kết hợp các phương pháp giảng dạy;

+ Mức độ phát huy được tính tích cực và kinh nghiệm của người học thông qua việc sử dụng các phương pháp;

+ Khả năng xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình giảng dạy.

7.1.2. Các phương pháp dạy học

- Chủ yếu áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, tích cực, với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học trong việc tiếp cận, lĩnh hội kiến thức.

- Các hình thức tổ chức dạy học chủ yếu gồm: Thuyết trình, Semina, Thảo luận nhóm, Nghiên cứu tình huống, Nghiên cứu khoa học (thông qua bài tập lớn, tiểu luận, đề tài nghiên cứu khoa học, báo cáo thực tế, thực tập tốt nghiệp, viết bài báo khoa học).

7.1.3. Phương tiện giảng dạy và học tập

Đảm bảo về tiêu chuẩn phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng học đa năng với các trang thiết bị đa phương tiện (máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh,...) nhằm hỗ trợ người dạy, người học khai thác tối đa ứng dụng khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực ngành học. Thư viện của Nhà trường cung cấp đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, phương tiện thực hành phục vụ người dạy và người học trong quá trình giảng dạy và học tập.

7.1.4. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá lớp học phần được tiến hành thông qua thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về nội dung học phần, tổ chức lớp học, các hoạt động dạy và học của mỗi lớp, từ đó đưa ra đánh giá, kết luận để có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

a) Các nguồn thông tin phục vụ đánh giá lớp học phần:

- Khoa, Bộ môn thực hiện và cung cấp thông tin về việc lấy ý kiến phản hồi từ các đồng nghiệp hay cán bộ khác (giáo vụ, lãnh đạo khoa, đại diện tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên,...); Thông tin từ kết quả dự giờ, thao giảng (đột xuất, định kỳ); Thông tin về phân tích mức độ đạt được CDR của lớp học phần;

- Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục thực hiện tổng hợp ý kiến phản hồi từ sinh viên của lớp học phần về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các điều kiện bảo đảm chất lượng; Thông tin từ các khuyến nghị của Đoàn Đánh giá ngoài.

b) Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục chủ trì phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo và các khoa tổ chức việc đánh giá thường xuyên các lớp học vào cuối mỗi học kì/năm học. Kết quả đánh giá các lớp học phần báo cáo Hiệu trưởng để chỉ đạo thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng giảng dạy.

7.2. Các phương pháp đánh giá

7.2.1. Nguyên tắc đánh giá: Kết quả học tập mỗi học phần của người học được đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra của mỗi học phần và ngành đào tạo.

7.2.2. Kết quả học tập của người học được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí:

a) Số tín chỉ của các học phần mà người học đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ.

b) Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình chung của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó tính theo thang điểm 4, với trọng số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

c) Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ đạt từ điểm D trở lên tính từ đầu khóa học.

d) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình chung tính theo thang điểm 4 của các học phần, được đánh giá bằng các điểm chữ đạt từ điểm D trở lên mà người học đã học, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét.

e) Thang điểm

Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Để tính điểm TBC học kỳ và điểm TBC tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

Điểm số (theo thang điểm 10)	Điểm chữ	Điểm số (theo thang điểm đổi)
8,5-10	A	4,0
7,8-8,4	B+	3,5
7,0-7,7	B	3,0
6,2-6,9	C	2,5
5,5-6,1	C+	2,0
4,8-5,4	D+	1,5
4,0-4,7	D	1,0
Dưới 4,0	F	0,0

7.2.3. Điểm đánh giá học phần

a) Điểm đánh giá học phần được tổ chức từ các điểm đánh giá bộ phận gồm: Điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ.

Đánh giá quá trình	50%
+ <i>Sự chuyên cần, thái độ học tập</i>	10%
Sự chuyên cần	5%

Thái độ học tập	5%
+ Hồ sơ học phần	20%
+ Đánh giá giữa kỳ	20%
Đánh giá cuối kỳ	50%

Đối với học phần thực hành (lý thuyết + thực hành): Điểm đánh giá tín chỉ học phần theo tỷ lệ tín chỉ

Đánh giá quá trình	100%
+ Tín chỉ 1	25%
+ Tín chỉ 2	25%
+ Tín chỉ 3	25%
+ Tín chỉ 4	25%

b) Quy định cụ thể cho các điểm thành phần như sau:

b1) Đánh giá ý thức học tập của người học bao gồm: có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...). Người học phải dự học trên lớp tối thiểu đủ 80 % số tiết trở lên mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần. Người học không được dự thi học phần bị tính điểm 0 (điểm F) cho học phần đó và phải học lại.

b2) Điểm đánh giá giữa học phần:

+ Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 : 1 lần kiểm tra

+ Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 : 2 lần kiểm tra (Điểm đánh giá giữa kỳ là trung bình cộng 2 lần kiểm tra). Điểm giữa kỳ giảng viên phải nộp về cho giáo vụ khoa và nộp về phòng Quản lý Đào tạo ngày sau khi kết thúc thi giữa học phần 1 tuần.

b3) Điểm đánh giá cuối kỳ:

- Học phần chỉ có lý thuyết: Điểm đánh giá cuối kỳ là điểm của bài thi học kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường và được thực hiện theo các hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, bài tập lớn (Hình thức đánh giá do Bộ môn quy định, ghi rõ trong Đề cương học phần đã được phê duyệt).

- Học phần chỉ có thực hành: Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

- Học phần có cả lý thuyết và thực hành (tức là có tín chỉ lý thuyết và tín chỉ thực hành): Nếu số lượng loại tín nào nhiều hơn thì sẽ thi kết thúc học phần theo loại tín chỉ đó; nếu tỷ lệ tín chỉ thực hành và lý thuyết bằng nhau thì sẽ thi theo hình thức thực hành. Tất cả các điểm bộ phận đều cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Giảng viên trực tiếp chấm điểm chuyên cần và thái độ học tập, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm các bài thực hành và phải thông báo công khai cho sinh viên trước khi nộp điểm về Phòng Quản lý Đào tạo.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số TC
1	Kiến thức Giáo dục đại cương	Bắt buộc	31
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		72
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	Bắt buộc	18
		Tự chọn	4

2.2	<i>Kiến thức ngành</i>	Bắt buộc	46
		Tự chọn	04
3	Thực hành, thực tập cuối khóa, Báo cáo tốt nghiệp		22
	Tổng số tín chỉ của CTĐT		125

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
I	Kiến thức giáo dục đại cương				
1	ĐC001	Triết học Mác - Lênin (The principles of Marxism – Leninism)	3	<p>Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ Giáo dục đào tạo. Học phần Triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên hiểu được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin; - Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; - Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sự hình thành và phát triển của đời sống xã hội. 	<p>Tài liệu bắt buộc 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Triết học Mác – Lênin</i>, Nxb. Chính trị Quốc gia.</p> <p>Tài liệu tham khảo 1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2008), <i>Giáo trình Triết học Mác - Lênin</i>, (Dùng cho đào tạo đại học chuyên ngành Lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, HN. 2. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2010), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin</i>, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p>
2	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political economics)	2	<p>Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ cao đẳng và đại học theo quy định chung của Bộ Giáo dục đào tạo. Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác –</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> (dành cho bậc đại học</p>

		of Marxism and Leninsm)		Lênin; về kinh tế hàng hóa; sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó, người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học ý thức tuân thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng với thái độ khách quan, trung thực và tin tưởng; đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái về chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	không chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội. Tài liệu tham khảo 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), <i>Một số chuyên đề Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , Nxb.Lý luận chính trị, Hà Nội. 2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin (2010) <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> , Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2	<p>Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ cao đẳng và đại học theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, là kết quả của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống ở Việt Nam hiện nay</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học hiểu và trình bày được những tri thức cơ bản của chủ</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2008), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p>

				<p>nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội; biết vận dụng các tri thức đã được học vào việc phân tích, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước; có bản lĩnh chính trị và niềm tin vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam hiện nay.</p>	
4	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's thought)	2	<p>Học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các trường ĐH và CĐCN trong cả nước.</p> <p>Giúp sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, qua đó từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành.</p> <p>Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Hồ Chí Minh đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>Các nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển gắn với các thời kỳ hoạt động của Hồ Chí Minh trong phong trào cách mạng Việt Nam và quốc tế vào đầu và giữa thế kỷ 20. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh nhận định Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội. <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ giáo dục và đào tạo (2011), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội. 2. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,. 3. Hồ Chí Minh (1998), <i>Về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 4. Hồ Chí Minh, <i>Về xây dựng con người mới</i>. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 5. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

				<p>kết tinh của văn hóa dân tộc Việt Nam, tư tưởng cách mạng Pháp, tư tưởng tự do của Hoa Kỳ, lý tưởng cộng sản Mác-Lênin, tư tưởng văn hóa phương Đông, văn hóa phương Tây và phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh.</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được xác định là một hệ tư tưởng chính thống của Đảng Cộng sản Việt Nam bên cạnh chủ nghĩa Mác-Lênin, được chính thức đưa ra từ Đại hội VII của Đảng. Đảng Cộng sản, Nhà nước Việt Nam cùng các quan điểm chính thống ở Việt Nam hiện nay đều thống nhất đánh giá Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là cách vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam và coi tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng Cộng sản Việt Nam và của dân tộc Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định lấy Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho mọi hành động và thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn tăng cường tuyên truyền thúc đẩy việc học tập và làm theo Tư tưởng Hồ Chí Minh ở tất cả các tầng lớp trong xã hội.</p>	
5	ĐC005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (History of Vietnam)	2	<p>Học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các trường ĐH và CĐCN trong cả nước.</p> <p>Học phần gồm có 4 chương (kể cả chương nhập môn), bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), Giáo trình tư tưởng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p>

		Communist party)		<p>cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng thông qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ từ năm 1945 đến năm 1975 cũng như lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...).</p> <p>Môn học Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm những nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) - Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) - Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018) 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN</i>. Nxb. Chính trị - Quốc gia, Hà Nội. 2. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2010), <i>Giáo Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), Nxb. Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
6	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam (Introduction to	3	<p>Môn học cung cấp các nội dung kiến thức về văn hoá và văn hoá Việt Nam: các vấn đề lý luận chung về văn hoá và văn hoá học; cấu trúc, hình thái, các thành tố và chức năng của văn hoá; diễn trình lịch sử văn hoá Việt Nam từ khi con người xuất hiện đến hiện nay và</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam</i>, NXB Thành phố Hồ Chí Minh <p>Tài liệu tham khảo thêm</p>

		Vietnamese culture)		không gian văn hoá Việt Nam nhằm giúp sinh viên hiểu và nắm vững những hiểu biết căn bản về văn hoá Việt Nam. Mặt khác, môn học cũng sẽ giúp sinh viên có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.	<p>1. Trần Quốc Vương (chủ biên), (2009), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam, Tái bản lần thứ 11</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>2.Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, Nxb VHNT, Hà Nội</p> <p>3.Phan Ngọc (1998), <i>Bản sắc văn hóa Việt Nam</i>, Nxb Văn học, Hà Nội</p>
7	ĐC007	Pháp luật đại cương (Introduction to laws)	3	Học phần là môn khoa học pháp lý cơ bản giới thiệu những vấn đề chung nhất về Nhà nước và pháp luật; về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; về pháp chế xã hội chủ nghĩa; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những vấn đề cơ bản về các hệ thống cơ quan trong bộ máy Nhà nước hiện nay và tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta và pháp luật chuyên ngành. Nghiên cứu đồng thời mối quan hệ biện chứng giữa nhà nước và pháp luật trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phương pháp tiếp cận pháp luật Việt Nam. Qua đó thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động, trong cuộc sống hàng ngày.	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Lê Minh Toàn, Lê Minh Thắng, Nguyễn Bá Chiến (2005), <i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i> (dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp), Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Thị Lan Anh (2021), <i>Tập bài giảng Pháp luật đại cương</i> (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1.Nguyễn Minh Đuan (2018), <i>Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật</i>, Nxb. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.</p>

					<p>2. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2015), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội</p> <p>3. Nguyễn Văn Động, (2012), <i>Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật</i>, Nxb Tư pháp, Hà Nội</p> <p>4. Phạm Hồng Thái (2009), <i>Lý luận nhà nước và pháp luật</i>, Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội.</p>
8	ĐC008	Phương pháp NCKH (Scientific research method)	2	<p>Môn học cung cấp hệ thống kiến thức lý luận về phương pháp, nguyên tắc và những yêu cầu trong nghiên cứu khoa học; nội dung cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học và quy trình tổ chức, triển khai thực hiện đề tài khoa học. Mặt khác, môn học cũng sẽ giúp sinh viên thực hành nghiên cứu đề tài khoa học theo chuyên ngành đào tạo.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Vũ Cao Đàm (2015), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Phạm Việt Vượng (2004), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb ĐHQG Hà Nội.</p>
9	NN001	Tiếng Anh 1 (English 1)	3	<p>Học phần Tiếng Anh 1 bao gồm 3 tín chỉ với 06 đơn vị bài học. Đây là chương trình dành cho người học bắt đầu học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Học phần cung cấp cho người học vốn kiến thức cơ bản của tiếng Anh về ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm thông qua các chủ đề: con người, địa danh, cuộc sống hàng ngày, sở thích....Từ đó, người học có thể thực hiện các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở những tình huống đơn giản nhất trong cuộc sống và công việc hàng ngày.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1.Sarah Cunning Harm, Peter Moor (2010). <i>New Cutting Edge Elementary</i>. Longman</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1.Clive Oxeden & Paul Seligson (2009), <i>New English life- Elementary</i>, NXB Lao động, Hà Nội.</p> <p>2.A. Blackwell & T. Naber (2009), <i>English Know How 1</i>, Oxford University Press.</p> <p>3.<i>Trần Mạnh Tường (2006), Chuyên đề ngữ pháp Tiếng Anh, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.</i></p>

10	NN002	Tiếng Anh 2 (English 2)	3	<p>Học phần Tiếng Anh 2 bao gồm 3 tín chỉ với 05 đơn vị bài học, được kế tiếp sau khi người học đã hoàn thành học phần tiếng Anh 1. Học phần cung cấp cho người học vốn kiến thức tiếng Anh về ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm thông qua các chủ đề: ăn uống, cuộc sống hàng ngày, mua sắm, giải trí..... Từ đó người học có thể thực hiện tốt các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở các những tình huống giao tiếp trong cuộc sống và công việc hàng ngày.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sarah Cunning Harm, Peter Moor (2010).New Cutting Edge Elementary. Longman <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Clive Oxeden & Paul Seligson (2009), New English life- Elementary, NXB Lao động, Hà Nội. 2. A. Blackwell & T. Naber (2009), English Know How 1, Oxford University Press. 3. Trần Mạnh Tường (2006), Chuyên đề ngữ pháp Tiếng Anh, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
11	NN003	Tiếng Anh 3 (English 3)	3	<p>Học phần Tiếng Anh 3 bao gồm 3 tín chỉ với 05 đơn vị bài học. Học phần cung cấp cho người học vốn kiến thức tiếng Anh nâng cao về ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm thông qua các chủ đề: thế giới xung quanh, học tập, giao tiếp, giải trí, khoa học kỹ thuật.... Từ đó người học có thể thực hiện thành thạo các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở tất cả tình huống giao tiếp trong cuộc sống và công việc.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sarah Cunning Harm, Peter Moor (2010).New Cutting Edge Elementary. Longman <p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Clive Oxeden & Paul Seligson (2009), New English life- Elementary, NXB Lao động, Hà Nội. 2. A. Blackwell & T. Naber (2009), English Know How 1, Oxford University Press. 3. Trần Mạnh Tường (2006), Chuyên đề ngữ pháp Tiếng Anh, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
12	ĐC012	Tin học (Informatics)	3	<p>Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về tin học, máy tính điện tử, phần cứng, phần mềm nói riêng và công nghệ thông tin nói chung. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoàng Anh Công (2022), <i>Tập bài giảng tin học đại cương (tài liệu lưu hành nội bộ)</i>, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. IIG Viet Nam, IC3 Internet and Computing Core Certification Guide, Tài liệu điện tử, Nơi lưu trữ:

				Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Ngoài ra trong chương trình học cũng lồng ghép các kỹ năng viết văn bản, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện..	Trung tâm học liệu Trường đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
13		Giáo dục thể chất (Physical Education)	5	<p>Thể dục là môn học bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình GDTC của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Trịnh Ngọc Trung (2021), <i>Giáo trình Thể dục (tài liệu lưu hành nội bộ)</i>, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh 2009, (Tập thể tác giả), <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT, Hà Nội.</p>
II Kiến thức cơ sở ngành					
II.1. Các học phần bắt buộc					
15	CT001	Xã hội học đại cương (General sociology)	3	<p>Môn học nghiên cứu quy luật, tính quy luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Từ sự trình bày, phân tích các khái niệm cơ bản như cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, nhóm xã hội, thiết chế xã hội..., cung cấp tri thức, hiểu biết về quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin, môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt như: Xã hội học tội phạm, xã hội học về dư luận xã hội, xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn và xã hội học gia đình. Trên cơ sở những thành</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Nguyễn Duy Hới - Đoàn Văn Trường (Đồng chủ biên, 2020), <i>Xã hội học</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p> <p>2. Lương Văn Úc (2015), <i>Giáo trình xã hội học</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo</p>

				<p>tự khoa học về tri thức và công nghệ đã đạt được, xã hội học trang bị cho người học những tri thức khoa học về các lĩnh vực xã hội và kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu, giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đặt ra.</p>	<p>1. Trịnh Thị Chinh (2008), <i>Giáo trình Xã hội học đại cương và chuyên biệt</i>, NXB LĐXH</p>
16	CT002	Tâm lý học xã hội (Social psychology)	3	<p>Môn học nghiên cứu các hiện tượng tâm lý của nhóm, tập thể trong mối quan hệ tác động qua lại của các cá nhân trong nhóm tạo ra tâm lý chung của nhóm. Nghiên cứu quy luật, cơ chế của sự hình thành, vận động và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội. Phân tích và làm rõ các kiến thức cơ bản về nhóm và người lãnh đạo nhóm; Bản chất, vai trò, cơ chế hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội. Các hiện tượng tâm lý của nhóm lớn xã hội như: Nhóm giai cấp, dân tộc, nghề nghiệp....Nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong tập thể như: Bầu không khí tâm lý xã hội, tâm trạng xã hội, truyền thống, dư luận xã hội; định kiến xã hội, xung đột xã hội. Bên cạnh đó, vấn đề giao tiếp xã hội, hành vi xã hội cũng được quan tâm nghiên cứu. Ngoài ra, vấn đề nhân cách và sự suy thoái nhân cách tổng xã hội cũng được phân tích làm rõ để chỉ ra nguyên nhân và cách khắc phục tình trạng suy thoái nhân cách hiện nay.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Tập bài giảng: <i>Tâm lý học xã hội</i> – Tài liệu lưu hành nội bộ của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.</p> <p>2. Trần Quốc Thành – Nguyễn Đức Sơn (2015). <i>Tâm lý học xã hội</i>, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Phạm Văn Tư (chủ biên) (2017). <i>Tâm lý học xã hội</i>, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.</p> <p>2. Tiêu Thị Minh Hương, Lý Thị Hàm, Bùi Xuân Mai, <i>Giáo trình Tâm lý học xã hội</i>, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.</p>
17	CT004		3	<p>Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam; Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của Công tác xã hội; Học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về phương pháp can</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Nguyễn Hồi Loan - Nguyễn Thị Kim Hoa (Đồngchủ biên) (2014), <i>Giáo trình Công tác xã hội đại cương</i>, NXB. ĐHQGHN.</p>

		Nhập môn công tác xã hội (Introduction to social work)		thiệp trong CTXH, kỹ năng thực hành Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội; Trang bị cho người học những hiểu biết cần thiết về các quy điều đạo đức nghề nghiệp của nhân viên công tác xã hội.	<i>Tài liệu tham khảo</i> 1. Bùi Thị Xuân Mai (2014), <i>Giáo trình nhập môn công tác xã hội</i> , NXB LĐXH 2. Nguyễn Duy Nhiên (2015), <i>Nhập môn công tác xã hội</i> , NXB ĐHSP
18	CT005	Lý thuyết công tác xã hội (Theories of social work)	3	Môn học nghiên cứu Học phần nêu khái quát chung về lý thuyết ứng dụng trong Công tác xã hội; đi sâu phân tích nội dung, bản chất và cách tiếp cận thân chủ theo các lý thuyết khác nhau trong công tác xã hội. Môn học này sẽ giúp cho sinh viên lĩnh hội các kiến thức về các lý thuyết của công tác xã hội đương đại, qua đó sinh viên biết cách áp dụng lý thuyết công tác xã hội vào các trường hợp can thiệp cụ thể với các thân chủ, tác động với nhóm-cộng đồng. Đồng thời, qua việc xem xét đánh giá những lý thuyết khác nhau trong công tác xã hội, sinh viên sẽ biết cách đưa ra những cách thức lý luận khác nhau, áp dụng các mô hình lý luận khác nhau về hoạt động thực hành của công tác xã hội.	<i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Trần Đình Tuấn (2008), <i>Công tác xã hội lý thuyết và thực hành</i> , ĐHQGHN, Hà Nội <i>Tài liệu tham khảo</i> 1. Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa, (đồng chủ biên), (2014), <i>Giáo trình Công tác xã hội đại cương</i> , NXB. ĐHQGHN. 2. Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai (đồng chủ biên) (2014), <i>Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình</i> , NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội
19	CT006	Hành vi con người và môi trường xã hội (Human behavior and social	3	Học phần hành vi con người và môi trường xã hội giới thiệu cho sinh viên: Nội dung của thuyết hành vi cổ điển, thuyết hành vi mới; Ứng dụng của thuyết hành vi trong cuộc sống và hoạt động; Các khái niệm cơ bản về hành vi con người; Các loại hành vi; Các yếu tố tác động đến hành vi con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa hành vi con người và môi trường xã hội: Tác động của hành vi con người đến môi trường xã hội, tác động của môi trường xã hội đến hành vi con người ở các giai đoạn lứa tuổi; Các biện pháp tác động đến hành vi con người;	<i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Nguyễn Thị Hồng Nga (2010), <i>Giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội</i> , NXB Đại học Lao động – Xã hội <i>Tài liệu tham khảo</i> 1. Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai (đồng chủ biên) (2014), <i>Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình</i> , NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội

		environme nt)		những hành vi hợp chuẩn và không hợp chuẩn của cá nhân, nguyên nhân và các biện pháp khắc phục các hành vi sai lệch; Khái niệm tệ nạn xã hội, nguồn gốc, nguyên nhân, phân loại các tệ nạn xã hội hiện nay và biện pháp phòng ngừa, khắc phục các tệ nạn xã hội đó.	
20	TTTTV005	Thống kê học (Statistics)	3	Học phần cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản về thống kê học (các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chỉ tiêu thống kê, các loại thang đo,...) Qua đó, giúp cho học sinh tư duy, biết thu thập, tích lũy, xử lý và phân tích các dữ liệu số từ các hiện tượng, sự việc, tình hình xảy ra trong thực tế nhằm tìm hiểu bản chất và quy luật của các hiện tượng này. Đồng thời môn học này còn giúp sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê; Cách thức trình bày các số liệu thống kê; Tóm tắt dữ liệu bằng các đại lượng thống kê (Số trung bình cộng, số trung vị, mốt, Phương sai và độ lệch chuẩn) ; Ước lượng thống kê và kiểm định giả thiết thống kê.	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. PGS. TS. Trần Thị Kim Thu (2012). <i>Lý thuyết thống kê</i>, NXB Đại học kinh tế Quốc dân.</p> <p>2. Đào Hữu Hồ (2014), Giáo trình Thống kê xã hội học, NXB Giáo dục</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Luật Thống kê số: 89/2015/QH13 và Luật số: 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 89/2015/QH13.</p>
<i>Các học phần tự chọn: chọn 2 trong 4 học phần</i>					
21	CT007	Giới và phát triển (Gender and developme nt)	2	Học phần Giới và phát triển trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản sau:Hệ thống lý thuyết khoa học cơ bản về giới: giới tính và giới, định kiến giới, sự phân công lao động theo giới, bình đẳng giới, nhu cầu giới, phụ nữ trong phát triển, giới và phát triển, ... Có kiến thức về các cơ sở pháp lý và cơ sở xã hội cho việc xây dựng các chiến lược tiến đến bình đẳng giới. Nhận diện mối quan hệ giữa giới và phát triển xã hội, cuộc sống của	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Lê Thị Quý (2009), <i>Giáo trình xã hội học giới</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa, (đồng chủ biên), (2014), <i>Giáo trình Công tác xã hội đại cương</i>, NXB. ĐHQGHN.</p> <p>2. Hoàng Bá Thịnh (2008), <i>Giáo trình xã hội học về giới</i>, NXB ĐHQGHN</p>

				phụ nữ, vai trò và vị thế của họ trong xu thế phát triển chung. Hiểu biết về xu hướng tiến đến bình đẳng giới trong xã hội ngày nay và lợi ích của việc nâng cao địa vị người phụ nữ trong tiến trình phát triển nhằm có lợi cho cả hai giới và cho toàn xã hội, tiến tới sự bình đẳng giới ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung.	
22	CT003	Gia đình học và công tác xã hội trong gia đình Family and Social work in family)	2	Học phần giới thiệu bản chất của hôn nhân và gia đình, những đặc điểm trong hôn nhân và gia đình Việt Nam; các giai đoạn phát triển của gia đình, các vấn đề thường gặp trong các gia đình Việt Nam hiện nay; các thuyết tiếp cận, tiến trình trợ giúp gia đình và các kỹ năng, kỹ thuật, phương pháp của nhân viên công tác xã hội khi làm việc với gia đình.	Tài liệu bắt buộc: 1. ThS. Nguyễn Thị Thái Lan, TS. Bùi Thị Xuân Mai (Đồng chủ biên) (2015), <i>Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình</i> , Trường Đại học Lao động – xã hội, Hà Nội Tài liệu tham khảo 1. Bùi Thị Mai Đông (Chủ biên), Tiêu Thị Minh Hương, Nguyễn Văn Thanh (2017), <i>Giáo trình công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình</i> , NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội 2. Hoàng Bá Thịnh (2016), <i>Giáo trình gia đình học</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
23	QVH001	Dân tộc học (General ethnology)	2	Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản của dân tộc học: Định nghĩa, đối tượng, phương pháp nghiên cứu; Lịch sử phát triển của ngành dân tộc học; các vấn đề về chủng tộc, nguồn gốc loài người, ngôn ngữ, tôn giáo,	Tài liệu bắt buộc 1. Bùi Thị Hậu (2019), Tập bài giảng Dân tộc học (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá. Tài liệu tham khảo

				<p>về tộc người và cộng đồng tộc người, kinh tế, tôn giáo, thân tộc, hôn nhân và gia đình...tạo tiền đề cho người học nghiên cứu các học phần về văn hoá tiếp theo.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Sỹ Giáo (chủ biên) (2005), <i>Dân tộc học đại cương</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 2. Khoa Nhân học, trường đại học khoa học xã hội nhân văn TP Hồ Chí Minh, <i>Nhân học đại cương</i>, Nxb đại học quốc gia Tp Hồ Chí Minh, 2008. 3. Bộ môn Dân tộc học – Nhân học, Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội, <i>Phương pháp nghiên cứu trong dân tộc học và nhân học</i>. 4. Grant Evans: <i>Bức khám văn hoá Châu Á, tiếp cận Nhân học</i>. NXB Văn hoá Dân tộc, HN,2001. 5. Hoàng Nam, <i>Nhân học văn hóa Việt Nam</i>, Nxb Văn hóa dân tộc, 2019.
24	CT008	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng (Introduction to Quantitative		<p>Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về dữ liệu và phương pháp nghiên cứu định lượng. Nắm rõ được quy trình nghiên cứu thông thường của một nghiên cứu định lượng, các phương pháp chọn mẫu, các loại thang đo. Có thể tự thiết kế được bảng hỏi nhằm thu thập</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mai Anh Vũ & Nguyễn Thị Phương (2022), Tập bài giảng Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

		e data processing)		dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu định lượng. Làm rõ các phương pháp/kỹ thuật thu thập, xử lý và triết xuất thông tin số liệu cần thiết phục vụ cho mục đích đã xác định của vấn đề nghiên cứu. Hiểu và có thể xử lý được một số kỹ thuật xử lý định lượng cơ bản. Tìm hiểu một số phần mềm xử lý dữ liệu định lượng được sử dụng phổ biến, và lựa chọn được phần mềm phù hợp để xử lý bộ dữ liệu định lượng.	2. Đào Hữu Hồ (2009), Giáo trình thống kê xã hội học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 3. Vũ Cao Đàm (2005), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học Kỹ thuật <i>Tài liệu tham khảo</i> 1. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1 & tập 2. Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức.
II.2 Kiến thức ngành/ chuyên ngành					
Các học phần bắt buộc:					
25	CT009	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội (Research Methods for Social work)	4	Học phần này gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm và các dạng nghiên cứu trong công tác xã hội. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong công tác xã hội. Một số phương pháp riêng mang tính đặc thù của công tác xã hội. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu trong công tác xã hội. Xây dựng giả thuyết trong nghiên cứu công tác xã hội. Định nghĩa khái niệm và thao tác hóa các khái niệm. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu công tác xã hội. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu công tác xã hội. Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả.	<i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Nguyễn Hồi Loan - Nguyễn Thị Kim Hoa (Đồng chủ biên) (2014), <i>Giáo trình công tác xã hội đại cương</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2. Trần Minh Điền, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Trung Hải (2022), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong CTXH</i> , NXB Bách Khoa, Hà Nội. 3. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2015), <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội <i>Tài liệu tham khảo</i>

					<p>1. Nguyễn Trung Hải (Chủ biên), Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Kim Loan (2016), <i>Giáo trình phát triển cộng đồng</i>, NXB Dân Trí, Hà Nội</p> <p>2. Bùi Thị Xuân Mai (2014), <i>Giáo trình nhập môn công tác xã hội</i>, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội</p>
26	CT010	Công tác xã hội cá nhân (Personal social work)	4	Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về công tác xã hội với cá nhân. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành công tác xã hội với cá nhân cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai (đồng chủ biên, 2014), <i>Giáo trình Công tác xã hội cá nhân, và gia đình</i>, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa, (đồng chủ biên), (2014), <i>Giáo trình Công tác xã hội đại cương</i>, NXB. ĐHQGHN.</p> <p>2. Nguyễn Duy Nhiên (2011), <i>Giáo trình Công tác xã hội cá nhân</i>, NXB Quốc gia Hà Nội, Hà Nội</p>
27	CT011		4	Học phần này trình bày phương pháp công tác xã hội với nhóm thân chủ có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau. Phương pháp này dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, mỗi tương tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực được nhân viên xã hội dự kiến trong một kế hoạch hành động. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về công tác xã hội nhóm, bao gồm lịch sử hình thành,	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Nguyễn Thị Thái Lan (2012) <i>Giáo trình công tác xã hội nhóm</i>, NXB Lao động và Xã hội</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Bùi Thị Xuân Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Thái Lan, Lim Shaw Hui</p>

		Công tác xã hội nhóm (Group social work)		mục tiêu, lý thuyết vận dụng, tiến trình, nguyên tắc đạo đức trong CTXH với một nhóm các đối tượng cần trợ giúp. Học phần cũng tập trung rèn luyện một số kỹ năng thực hành cơ bản và kỹ thuật trong công tác xã hội với nhóm nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Mục tiêu của thực hành công tác xã hội với nhóm đạt được hay không tùy thuộc vào khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế, am hiểu năng động nhóm, có kỹ năng điều hòa sự tham gia của các nhóm viên, sử dụng sự can thiệp đúng thời điểm để giải quyết vấn đề và đạt được hiệu quả can thiệp nhóm.	(2014), <i>Giáo trình tham vấn</i> , NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội
28	CT012	Phát triển cộng đồng (Community development)	4	Học phần này gồm những nội dung cơ bản. Những vấn đề chung về phát triển cộng đồng. Hệ thống các khái niệm, mục tiêu, các mô hình và tiến trình phát triển cộng đồng. Các hoạt động cơ bản trong phát triển cộng đồng. Các công cụ PRA trong phát triển cộng đồng. Cách thức xây dựng một dự án phát triển cộng đồng.	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Trung Hải (Chủ biên), Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Kim Loan (2016), <i>Giáo trình phát triển cộng đồng</i> , NXB Dân Trí, Hà Nội Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Kim Liên (2008), <i>Giáo trình phát triển cộng đồng</i> , NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.
29	CT013	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội (Mass media sociology)	3	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về các phương tiện truyền thông đại chúng, ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đến đời sống xã hội. Cung cấp kiến thức nền tảng về bản chất, quy luật, hành vi, vai trò của Dư luận xã hội; phân biệt tin đồn và dư luận xã hội, ảnh hưởng của Dư luận xã hội đối với đời sống xã hội; Mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội. Đồng thời cung cấp các thao tác điều tra của Dư luận xã hội.	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên), Đỗ Thị Thu Hằng (2012), <i>Truyền thông lý thuyết và kỹ năng cơ bản</i> , NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà nội. 2. Nguyễn Quý Thanh (2011), <i>Xã hội học về dư luận xã hội</i> , NXB Đại học QGHN, Hà Nội. Tài liệu tham khảo

		and public opinion)			<p>1. Nguyễn Duy Hới - Đoàn Văn Trường (Chủ biên, 2020), <i>Xã hội học</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.</p> <p>2. Bùi Hoài Sơn (2006), <i>Dur luận xã hội</i>, NXB VH TT, Hà Nội.</p>
30	CT014	Tham vấn trong công tác xã hội (Consultation and consultation practice)	3	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về công tác tham vấn như: Mục đích, ý nghĩa, các nguyên tắc đạo đức trong tham vấn; mối quan hệ giữa nhà tham vấn và thân chủ trong tham vấn; các kỹ năng tham vấn cơ bản và các bước của một tiến trình tham vấn; Tham vấn cá nhân; Tham vấn gia đình; Tham vấn nhóm.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Bùi Thị Xuân Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Thái Lan, Lim Shaw Hui (2014), <i>Giáo trình tham vấn</i>, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Trần Thị Minh Đức (2016), <i>Giáo trình tham vấn tâm lý</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p>
31	CT015	Đạo đức nghề công tác xã hội (Professional ethics in social work)	3	<p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp của công tác xã hội. Từ đó xác định rõ đạo đức nghề nghiệp cũng chính là cơ sở khoa học, là nền tảng giá trị của ngành nghề mang tính nhân văn này. Môn học cũng làm rõ sự hình thành các quy chuẩn đạo đức của nghề không tách rời các bối cảnh kinh tế, xã hội và các đặc trưng văn hoá vùng miền. Bằng phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp môn học cũng làm rõ trách nhiệm của nhân viên công tác xã hội đối với nghề nghiệp, cũng đồng thời định hướng hành động cho mỗi cá nhân, nhóm, cộng đồng trong mục đích vì sự công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa, (đồng chủ biên), (2014), <i>Giáo trình Công tác xã hội đại cương</i>, NXB. ĐHQGHN.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Bùi Thị Xuân Mai (2014), <i>Giáo trình nhập môn công tác xã hội</i>, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, Hà Nội</p> <p>2. Nguyễn Duy Nhiên (2015), <i>Nhập môn công tác xã hội</i>, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội</p>

					3. Thông tư 01/2017/TT - BLĐTBXH, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 02/02/2017. https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Thong-tu-01-2017-TT-BLDTBXH-tieu-chuan-dao-duc-nghe-nghiep-nguoi-lam-cong-tac-xa-hoi-338878.aspx
32	CT016	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình (Social work in the field of preventing domestic violence)	4	Học phần góp phần trang bị những kiến thức lí luận về phòng chống bạo lực gia đình. Giúp sinh viên nhận biết được động cơ của bạo lực gia đình, nguyên nhân gốc rễ của bạo lực gia đình. Đồng thời giới thiệu cho sinh viên các văn bản luật của Việt Nam và của quốc tế liên quan đến những vấn đề bạo lực gia đình. Tiến trình CTXH trong phòng, chống bạo lực gia đình. Bên cạnh đó học phần còn giúp người học nắm rõ vai trò của công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình và một số phương pháp can thiệp đặc thù trong lĩnh vực này. Học phần còn cung cấp cho sinh viên biết rõ các mô hình và dịch vụ can thiệp, hỗ trợ của công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình.	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Bùi Thị Mai Đông (Chủ biên), Tiêu Thị Minh Hương, Nguyễn Văn Thanh (2017), <i>Giáo trình công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Hoàng Bá Thịnh (2016), <i>Giáo trình gia đình học</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p>
33	CT017	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	4	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về dự án, đặc điểm của dự án, phân loại dự án, chu trình dự án. Cách thức xây dựng một dự án xã hội. Các bước thẩm định dự án và quản lý dự án xã hội. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về giám sát và đánh giá dự án một cách hiệu quả. Và vận dụng thành thực các kỹ năng của người quản lý dự án khi thực hiện hoạt động xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội.	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Huỳnh Thị Ánh Phương (chủ biên), Nguyễn Xuân Hồng, Nguyễn Thị Nha Trang (2021), <i>Giáo trình xây dựng và quản lý dự án trong công tác xã hội</i>, NXB Đại học Huế</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Nguyễn Trung Hải (Chủ biên), Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Kim Loan</p>

		(Construction and management of social work projects)			(2016), <i>Giáo trình phát triển cộng đồng</i> , NXB Dân Trí, Hà Nội 2. Nguyễn Kim Liên (2008), <i>Giáo trình phát triển cộng đồng</i> , NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội
34	CT018	Chính sách xã hội (Social policies)	4	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự hình thành chính sách xã hội; một số lý thuyết, mô hình và hệ thống các chính sách xã hội trên thế giới; Quá trình nhận thức và thực thi chính sách xã hội ở Việt Nam. Giới thiệu đến người học một số chính sách xã hội cơ bản ở Việt Nam hiện nay. Giúp cho người học nhận thức đầy đủ về các vấn đề xã hội đang diễn ra trong cuộc sống và vai trò của chính sách xã hội đối với việc giải quyết các vấn đề đó. Đồng thời nâng cao khả năng phân tích và vận dụng chính sách xã hội vào thực hành Công tác xã hội.	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Tiệp (chủ biên), Phạm Hồng Trang, Nguyễn Lê Trang, (2011), <i>Giáo trình chính sách xã hội</i> , Nxb Lao động - Xã hội Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Hải Hữu (2012), <i>Giáo trình nhập môn An sinh xã hội</i> , Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.
35	CT019	An sinh xã hội (Social security)	3	Học phần bao gồm các nội dung về lý luận an sinh xã hội, những mô hình thực tiễn về an sinh xã hội trên thế giới; An sinh xã hội Việt Nam từ quá trình hình thành và phát triển qua các thời kỳ, chính sách của Nhà nước, công tác tổ chức, quản lý và thực hiện an sinh xã hội; Mối quan hệ giữa an sinh xã hội và các lĩnh vực khác,... Học phần còn giúp người học hình thành các biện pháp giúp đỡ những đối tượng gặp khó khăn trong cuộc sống nhằm xây dựng một xã hội giàu mạnh và tiến bộ. Nội dung học phần an sinh xã hội giới thiệu một số vấn đề chung, quan hệ pháp luật và quản lý nhà nước về các vấn đề an sinh xã hội, các quy định của chính sách	Tài liệu bắt buộc 1. Bùi Thị Chóm (2009), <i>Giáo trình ưu đãi xã hội</i> , Nxb Lao động-Xã hội. 2. Nguyễn Hải Hữu (2012), <i>Giáo trình nhập môn An sinh xã hội</i> , Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Hữu Chí (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình luật an sinh xã hội</i> , NXB Giáo dục Việt Nam 2. Vũ Văn Phúc (chủ biên) (2012), <i>An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới 2020</i> , NXB Chính trị Quốc gia.

				về an sinh xã hội như: bảo hiểm xã hội, các đối tượng xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội hiện hành....	
36	CT024	Công tác xã hội với người nghèo (Social work with the poor)	3	Học phần cung cấp những vấn đề lý luận, thực tiễn và cấp bách về công tác xã hội đối với người nghèo ở nước ta. Nội dung của học phần gồm các khía cạnh cơ bản: vai trò của công tác xã hội đối với người nghèo; nguyên nhân, thực trạng nghèo đói có ảnh hưởng đến công tác xã hội, nguồn nhân lực về công tác xã hội ở những vùng nghèo, những nội dung cơ bản của công tác xã hội đối với người nghèo	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Thị Thuận (chủ biên), Ngô Minh Hương, (2008), <i>Phương pháp lồng ghép giới trong xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam</i> , NXB Lao động – Xã hội 2. UNICEF/FOR EVERY CHILD (2016), Tài liệu hướng dẫn thực hành dành cho cán bộ xã hội cấp cơ sở Công tác xã hội với người nghèo, BLĐTĐ&XH Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Trung Hải (chủ biên), Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Kim Loan, (2016), <i>Giáo trình phát triển cộng đồng</i> , NXB Dân trí Hà Nội.
37	CT027	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV (Social work with drug, prostitution)	3	Sinh viên nắm được nội dung công tác xã hội với người nghiện ma túy gồm khái niệm nghiện ma túy và các khái niệm liên quan, đặc điểm tâm lý, nhu cầu và những khó khăn của người nghiện ma túy, nguyên nhân, hậu quả của người nghiện ma túy; cai nghiện ma túy và công tác xã hội với người nghiện ma túy. Đối với công tác xã hội với mại dâm gồm khái niệm mại dâm, tìm hiểu quan điểm của xã hội về người mại dâm và công tác xã	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Hồi Loan (2013), Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội. 2. Tiêu Thị Minh Hương (2016), Công tác xã hội với người mại dâm, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội 3. Bùi Xuân Mai (2012), Công tác xã hội trợ giúp người nhiễm HIV, NXB Lao động – xã hội, Hà Nội

		and hiv/aids)		hội với người mại dâm và công tác xã hội với đối tượng mại dâm. Đối với công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS cần làm rõ khái niệm HIV/AIDS và các khái niệm liên quan; những nhận thức sai lệch về HIV/AIDS, tính nghiêm trọng của đại dịch HIV/ AIDS; đối tượng và những hành vi có nguy cơ nhiễm HIV cao, tâm lý, nhu cầu của người nhiễm HIV/AIDS; Những khó khăn của người nhiễm HIV/AIDS; Công tác xã hội với người nhiễm HIV/ AIDS.	Tài liệu tham khảo 1.Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa, (đồng chủ biên), (2014), <i>Giáo trình Công tác xã hội đại cương</i> , NXB. ĐHQGHN.
Các học phần tự chọn: chọn 2 trong 4 học phần					
38	CT026	Công tác xã hội trong bệnh viện (Social work in the hospital)	2	Học phần giới thiệu một số nội dung cơ bản của Công tác xã hội trong bệnh viện như: Công tác xã hội với những người bị bệnh truyền nhiễm (HIV, bệnh phụ nữ), công tác xã hội với trẻ em và người già trong bệnh viện, công tác xã hội với những người bị bệnh thông thường (bỏng, chấn thương), công tác xã hội với những người bị bệnh hiểm nghèo (ung thư, tim mạch). Đối với mỗi trường hợp bệnh, học phần không những giới thiệu kiến thức cơ bản liên quan đến điều kiện bệnh mà còn chỉ ra những khó khăn thường gặp của bệnh nhân trong từng trường hợp bệnh. Trên cơ sở đó, học viên có thể ứng dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được học vào việc giúp đỡ những bệnh nhân này.	Tài liệu bắt buộc 1. TS. Phạm Tiến Nam, ThS. Lý Thị Hảo, GS.TS. Bùi Thị Thu Hà (2018), <i>Công tác xã hội trong bệnh viện</i> , Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội Tài liệu tham khảo 1.Nguyễn Mai Hương(chủ biên, 2019), <i>Giáo trình Công tác xã hội với học sinh có sức khỏe tâm thần</i> , NXB Giáo dục Việt Nam
39	CT028		2	Nội dung học phần bao gồm kiến thức về những vấn đề chung của công tác xã hội trong trường học: Khái niệm về công tác xã hội trong trường học và các dịch vụ công tác xã hội trong trường học; một số vấn đề gặp phải của học sinh; nguyên nhân	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Thanh Bình, Vũ Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Mai Hồng, Đặng Thị Huyền Oanh (2020), <i>Công tác xã hội với</i>

		Công tác xã hội trong trường học (Social work in the school)		dẫn đến các vấn đề xã hội; vai trò của công tác xã hội trường học; mô hình công tác xã hội với hệ thống nhà trường; nguyên tắc của công tác xã hội với nhà trường; ứng dụng các phương pháp công tác xã hội với nhà trường; những vấn đề chung về tham vấn trường học; kỹ năng tham vấn trường học (nhóm kỹ năng tham vấn trong trường học cơ bản: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ; kỹ năng lắng nghe tích cực; kỹ năng thấu hiểu; kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng quan sát; kỹ năng phản hồi).	gia đình, cộng đồng và hệ thống nhà trường, NXB Giáo dục Việt Nam. 2. Phạm Văn Tư, Hoàng Anh Phước, Nguyễn Thị Mai Hương (2020), Tham vấn trường học, NXB Giáo dục Việt Nam 3. Nguyễn Hiệp Thương (chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Phạm Văn Tư, Đỗ Nghiêm Thanh Phương, Nguyễn Văn Hiếu (2020), Đại cương công tác xã hội trường học, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa, (đồng chủ biên), (2014), Giáo trình Công tác xã hội đại cương, NXB. ĐHQGHN.
40	CT021	Công tác xã hội với trẻ em Social work with children	2	Học phần Công tác xã hội với trẻ em là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần Công tác xã hội với trẻ em giúp sinh viên hiểu và nắm được: khái niệm về trẻ em, những đặc trưng về sự phát triển tâm - sinh lý, của trẻ, đặc biệt là những trẻ có hoàn cảnh khó khăn; chính sách của Đảng, nhà nước có liên quan đến trẻ em; các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình làm công tác xã hội với trẻ em. Từ đó giúp sinh viên có thể vận dụng những kiến thức Công tác xã hội với trẻ em để giải quyết những vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của trẻ em trong cộng đồng mình.	Tài liệu bắt buộc 1. Mai Thị Kim Thanh (2011), <i>Giáo trình Nhập môn công tác xã hội</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội 2. Nguyễn Tiệp biên soạn (2000), <i>Công tác xã hội với trẻ em làm trái pháp luật</i> , Nxb Lao động – xã hội, Hà Nội 3. Luật số: 102/2016/QH13, Luật trẻ em năm 2016. (Truy cập tại https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-tre-em-2016-303313.aspx) Tài liệu tham khảo

					<p>1. Bùi Thị Xuân Mai chủ biên, Nguyễn Thị Thái Lan, Lim Shaw Hui (2014) <i>Giáo trình tham vấn</i>, Nxb Lao động - xã hội, Hà Nội</p> <p>2. Lê Văn Tích, Nguyễn Thị Kim Dung, Trần Thị Nhuận biên soạn, (2007) <i>Hồ Chí Minh về giáo dục, bồi dưỡng thanh, thiếu niên và nhi đồng</i>, Nxb Lao động - xã hội, Hà Nội</p>
42	CT025	Công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số Social work with ethnic minority groups	2	<p>Học phần cung cấp những vấn đề lý luận, thực tiễn và cấp bách về công tác xã hội đối với các dân tộc thiểu số ở nước ta. Nội dung của học phần gồm các khía cạnh cơ bản: Khái quát về dân tộc và dân tộc thiểu số; Một số chính sách của nhà nước i với nhóm dân tộc thiểu số; Một số vấn đề khó khăn cơ bản của nhóm dân tộc thiểu số; Công tác xã hội với vấn đề nghèo đói ở nhóm dân tộc thiểu số; Công tác xã hội trong hỗ trợ giải quyết vấn đề văn hóa, lối sống đối với nhóm dân tộc thiểu số; Công tác xã hội với vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường đối với dân tộc thiểu số; Công tác xã hội với vấn đề giáo dục của nhóm dân tộc thiểu số.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Nguyễn Trung Hải (Chủ biên), Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Kim Loan (2016), <i>Giáo trình phát triển cộng đồng</i>, NXB Dân Trí, Hà Nội</p> <p>2. UNICEF/FOR EVERY CHILD (2017), <i>Tài liệu hướng dẫn thực hành dành cho cán bộ cấp xã công tác xã hội với các dân tộc thiểu số</i>, BLĐTĐ&XH, Hà Nội. (Truy cập tại https://www.slideshare.net/slideshow/cng-tc-x-hi-vi-cc-dn-tc-thiu-s/150382940)</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Đình Tuấn (Chủ biên) (2021), <i>Phát triển con người vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i>, NXB Khoa học Xã hội</p>
III Thực hành, thực tập cuối khóa, Báo cáo tốt nghiệp					

42	CT029	Thực hành công tác xã hội cá nhân (Personal social work in practice)	4	<p>- Thực hành CTXH cá nhân là một môn học thực hành/ thực tập bắt buộc thuộc môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội bậc cử nhân và cao đẳng. Học phần này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được phương pháp CTXH xã hội cá nhân để hỗ trợ cho một trường hợp thân chủ cụ thể. Học phần giúp sinh viên nắm được và vận dụng các bước trong tiến trình gồm nhận diện vấn đề, thu thập thông tin, đánh giá chẩn đoán, xây dựng kế hoạch can thiệp, thực hiện kế hoạch can thiệp, lượng giá và kết thúc ca. Sinh viên cũng được hướng dẫn để thực hành các kỹ năng cơ bản khi làm việc với cá nhân gồm kỹ năng vấn đàm, vãng gia, ghi chép tiến trình, làm hồ sơ xã hội để thực hiện một cách hiệu quả hoạt động trợ giúp cá nhân đang gặp vấn đề trong cuộc sống.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Bộ môn CTXH (2023), <i>Tập bài nội dung hướng dẫn thực hành công tác xã hội cá nhân: lưu hành nội bộ</i>, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa, (đồng chủ biên), (2014), <i>Giáo trình Công tác xã hội đại cương</i>, NXB. ĐHQGHN.</p> <p>2. Nguyễn Duy Nhiên (2011), <i>Giáo trình Công tác xã hội cá nhân</i>, NXB Quốc gia Hà Nội, Hà Nội</p>
43	CT030	Thực hành công tác xã hội nhóm (Group social work in practice)	4	<p>Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn. Phần đầu sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở, phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kiến thức, kỹ năng của công tác xã hội cá nhân vào giải quyết một vấn đề cụ thể tại đơn vị tìm hiểu, phần thứ ba sinh viên phải hoàn thiện báo cáo thực hành.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Bộ môn CTXH (2023), <i>Tập bài nội dung hướng dẫn thực hành công tác xã hội nhóm: lưu hành nội bộ</i>, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p>

					1. Nguyễn Thị Thái Lan (2012), <i>Giáo trình Công tác xã hội nhóm</i> , NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội
44	CT020	Thực hành phát triển cộng đồng (Community development in practice)	4	Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn. Phần đầu sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở, phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kiến thức, kỹ năng của phát triển cộng đồng vào giải quyết một vấn đề cụ thể tại cộng đồng, phần thứ ba sinh viên phải hoàn thiện báo cáo thực hành.	Tài liệu bắt buộc 1. Bộ môn CTXH (2023), <i>Tập bài nội dung hướng dẫn thực hành Phát triển cộng đồng: lưu hành nội bộ</i> , Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Trung Hải (Chủ biên), Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Kim Loan (2016), <i>Giáo trình phát triển cộng đồng</i> , NXB Dân Trí, Hà Nội
45	CT031	Thực tập cuối khóa (Final internship)	5	Học phần thực tập tốt nghiệp gồm hai phần: Phần làm việc trên lớp và tại cơ sở xã hội. Nội dung trên lớp bao gồm: Giảng viên thông qua những nội quy, quy định, kế hoạch thực tập, các cơ sở xã hội và giải đáp những thắc mắc của học viên. Phần làm việc tại các cơ sở xã hội, sinh viên vận dụng kiến thức kỹ năng CTXH đã được học vào việc tìm hiểu đánh giá vấn đề của thân chủ và xây dựng kế hoạch can thiệp	Tài liệu bắt buộc 1. Bộ môn CTXH (2023), <i>Tập bài nội dung hướng dẫn thực tập cuối khóa: lưu hành nội bộ</i> , Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo 1. Trần Minh Điền, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Trung Hải (2022), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong CTXH</i> , NXB Bách Khoa, Hà Nội.

					2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2015), <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
46	CT032	Báo cáo tốt nghiệp (Final internship)	5	Học phần "Báo cáo tốt nghiệp" giúp sinh viên ngành Công tác xã hội: Hình thành ý tưởng nghiên cứu về một vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công tác xã hội. Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để đề xuất giải pháp cho các vấn đề xã hội cụ thể. Nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp, khả năng phân tích, đánh giá và xử lý tình huống xã hội trong thực tiễn.	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Bộ môn CTXH (2023), <i>Tập bài nội dung hướng dẫn báo cáo tốt nghiệp: lưu hành nội bộ</i>, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Trần Minh Điền, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Trung Hải (2022), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong CTXH</i>, NXB Bách Khoa, Hà Nội.</p> <p>2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2015), <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p>

3. Tình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất	
<i>Học kỳ 1</i>	<i>Học kỳ 2</i>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Triết học Mác – Lênin 2. Tiếng Anh 1 3. Tin học 4. Xã hội học đại cương 5. Tâm lý học xã hội 6. Nhập môn CTXH 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế - Chính trị Mác - Lê nin 2. Cơ sở Văn hóa Việt Nam 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học 4. Tiếng Anh 2 5. Lý thuyết công tác xã hội 5. Hành vi con người và môi trường xã hội
Năm thứ hai	
<i>Học kỳ 1</i>	<i>Học kỳ 2</i>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Pháp luật đại cương 3. Tâm lý học xã hội 4. Giới và phát triển (học phần tự chọn) 5. Gia đình học và công tác xã hội trong gia đình (học phần tự chọn) 6. Dân tộc học (học phần tự chọn) 7. Nhập môn xử lý số liệu định lượng (học phần tự chọn) 8. Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Thống kê học 3. Công tác xã hội cá nhân 4. An sinh xã hội 5. Thực hành công tác xã hội cá nhân
Năm thứ ba	
<i>Học kỳ 1</i>	<i>Học kỳ 2</i>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam 2. Công tác xã hội nhóm 3. Tham vấn trong công tác xã hội 4. Công tác xã hội với người nghèo 5. Thực hành công tác xã hội nhóm 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phát triển cộng đồng 2. Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội 3. Đạo đức nghề công tác xã hội 4. Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV 5. Thực hành phát triển cộng đồng
Năm thứ tư	
<i>Học kỳ 1</i>	<i>Học kỳ 2</i>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếng Anh 3 2. Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình 3. Chính sách xã hội 4. Công tác xã hội trong bệnh viện (Học phần tự chọn) 5. Công tác xã hội trong trường học (học phần tự chọn) 6. Công tác xã hội với trẻ em (học phần tự chọn) 7. Công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số (học phần tự chọn) 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội 2. Thực tập cuối khóa 3. Báo cáo tốt nghiệp

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo														
		PLO 1.1 (Kiến thức)					PLO1.2 (Kỹ năng)				PLO1.3 (Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học)			PLO1.4 (Năng lực)		
		PLO1.1	PLO1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO2.3	PLO2.4	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 4.1	PLO 4.2	PLO 4.3
1. Kiến thức giáo dục đại cương																
1.	Triết học Mác - Lê nin The principles of Marxism – Leninism	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin Political economics of Marxism and Leninsm	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's thought	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

	History of Vietnam Communist party							2								
6.	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese culture	2	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
7.	Pháp luật đại cương Introduction to laws	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8.	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research method	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
9.	Tiếng Anh 1 English 1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
10.	Tiếng Anh 2 English 2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
11.	Tiếng Anh 3 English 3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
12.	Tin học Informatics	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3
13.	Giáo dục thể chất Physical Education	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
14.	Quốc phòng- An ninh National Defence Education	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																

2.1. Kiến thức cơ sở ngành																
*Các học phần bắt buộc																
15.	Xã hội học đại cương General sociology	2	3	3	3	2	2	3	2	2	2	3	4	3	4	5
16.	Tâm lí học xã hội Social psychology	2	3	4	3	2	2	3	2	2	2	3	4	3	4	5
17.	Nhập môn công tác xã hội Introduction to social work	2	3	3	3	2	2	3	2	2	2	3	4	3	4	5
18.	Lý thuyết công tác xã hội Theories of social work	2	2	4	3	2	2	3	2	2	2	3	4	3	4	5
19.	Hành vi con người và môi trường xã hội Human behavior and social environment	2	3	4	3	2	2	3	2	2	2	3	4	3	4	5
20.	Thống kê học Statistics	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	3	4	3	4	5
* Các học phần tự chọn (Mỗi chuyên ngành chọn 2 trong 4 học phần)																
21.	Giới và phát triển Gender and development	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	3	4	3	4	5

22.	Gia đình học và công tác xã hội trong gia đình Family Studies and Social work in family	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	4	3	4	5
23.	Dân tộc học General ethnology	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	4	3	4	5
24.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng Introduction to Quantitative data processing	2	2	4	3	2	2	2	2	2	2	3	4	3	4	5
2.2. Kiến thức ngành/ chuyên ngành																
*Các học phần bắt buộc																
25.	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội Research Methods for Social work	2	2	4	3	2	2	2	3	3	2	3	4	3	4	5
26.	Công tác xã hội cá nhân Personal social work	2	3	5	4	2	2	4	3	3	2	3	4	3	4	5
27.	Công tác xã hội nhóm Group social work	2	3	5	4	2	2	4	3	3	2	3	4	3	4	5

28.	Phát triển cộng đồng Community development	2	3	5	4	2	2	4	4	3	2	3	4	3	4	5
29.	Xã hội học truyền thông đại chúng và du luận xã hội Mass media sociology and public opinion	2	3	3	4	2	2	2	2	3	2	3	4	3	4	5
30.	Tham vấn trong công tác xã hội Consultation and consultation practice	2	3	5	4	2	2	4	3	3	2	3	4	3	4	5
31.	Đạo đức nghề công tác xã hội Professional ethics in social work	2	3	3	4	2	2	3	2	3	2	3	4	3	4	5
32.	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình Social work in the field of preventing domestic violence	2	3	4	4	2	2	3	2	3	2	3	4	3	4	5
33.	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	2	3	4	4	2	2	3	4	4	2	3	4	3	4	5

	Construction and management of social work projects															
34.	Chính sách xã hội Social policies	2	3	4	4	2	2	3	4	4	2	3	4	3	4	5
35.	An sinh xã hội Social security	2	3	4	4	2	2	3	4	4	2	3	4	3	4	5
36.	Công tác xã hội với người nghèo Social work with the poor	2	3	4	4	2	2	3	3	3	2	3	4	3	4	5
37.	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV/AIDS Social work with drug, prostitution and hiv/aids	2	3	4	4	2	2	3	3	3	2	3	4	3	4	5
*Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)																
38.	Công tác xã hội trong bệnh viện Social work in the hospital	2	3	4	4	2	2	3	3	3	2	3	4	3	4	5
39.	Công tác xã hội trong trường học Social work in the school	2	3	4	4	3	2	3	3	3	2	3	4	3	4	5

40.	Công tác xã hội với trẻ em Social work with children	2	3	4	4	2	2	3	3	3	2	3	4	3	4	5
41.	Công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số Social work with ethnic minority groups	2	3	4	4	2	2	3	3	3	2	3	4	3	4	5
3. Thực hành, thực tập cuối khóa, Báo cáo tốt nghiệp																
42.	Thực hành công tác xã hội cá nhân Personal social work in practice	2	2	4	4	2	2	4	4	4	2	3	4	3	4	6
43.	Thực hành công tác xã hội nhóm Group social work in practice	2	3	4	4	2	2	4	4	4	2	3	4	3	4	6
44.	Thực hành phát triển cộng đồng Community development in practice	2	3	4	4	2	2	4	4	4	2	3	4	3	4	6
45.	Thực tập cuối khóa Final internship	2	3	4	4	2	2	4	4	4	2	3	4	3	4	6

46.	Báo cáo tốt nghiệp Final internship	2	3	4	4	2	2	4	4	4	2	3	4	3	4	6
-----	--	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Ghi chú: Số cột tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của mỗi nhóm; số dòng tùy thuộc vào mục tiêu, ghi mức độ đạt được tương ứng giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra, trong đó:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với năng lực tự chủ và trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hỏi đáp; 3- Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.
- Đối với năng lực: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS.TS. Đoàn Văn Trường